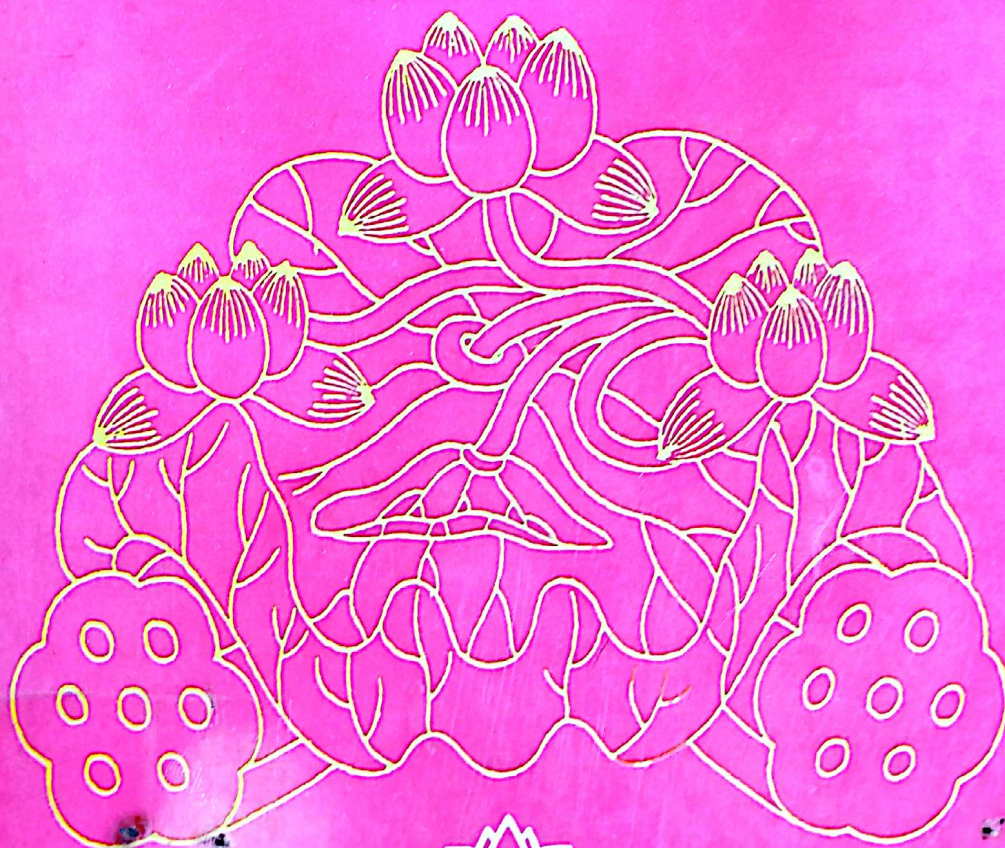


領心宗醫上海

HẢI THƯƠNG Y TÔN TÂM LINH

QUYỂN NĂM



SÁCH THUỐC VIỆT NAM
HẢI THƯỢNG
Y TÔN TÂM LĨNH
★★★★★

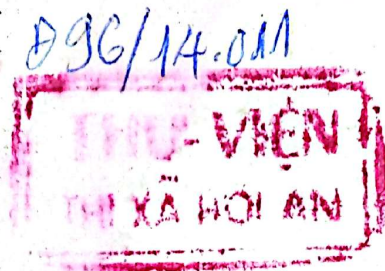
619
HT 103 T

LĂN ÔNG LÊ HỮU TRÁC

Sách thuốc Việt Nam HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LÍNH

QUYỂN NĂM
(Từ tập 21 đến tập 24)

Phụ đạo xán nhiên—Tọa thảo lương mô
Ấu ấu tu tri—Tập Vĩ



NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG THÁP
1994

HẢI THƯỢNG Y TÔN TÂM LĨNH

Tập PHỤ ĐẠO XÁN NHIÊN

Mục lục

HẢI THƯỢNG Y TÔN

Quyền NĂM

Trang

Tập PHỤ ĐẠO XÁN NHIÊN

Lời dịch giả	2259
Bài tiền dẫn của tác giả	2261
Thẻ lệ đọc cuốn sách này	2262
Phụ Đạo Xán Nhiên gồm 2 tập : tập Tiền và tập Hậu	2263
Tập TIỀN	
Nguyệt kinh (gồm 5 điều)	2269
1) Căn bệnh	2270
2) Phân biệt chứng bệnh.	2271
3) Phép chữa	2273
4) Những phương thuốc thường dùng.	2274
5) Những vị thuốc thường dùng.	2280
Chứng băng huyết và lậu huyết (gồm 3 điều)	2281
1) Căn bệnh.	2281
2) Phân biệt chứng bệnh.	2281
3) Những phương thuốc thường dùng về chứng băng huyết và lậu huyết.	2283
Chứng đới hạ (gồm 4 điều)	2287
1) Căn bệnh.	2287
2) Phép chữa.	2287
3) Những phương thuốc thường dùng về chứng đới hạ.	2288
4) Những vị thuốc thường dùng về chứng đới hạ.	2288
	2291

Tập chứng (gồm 18 điều)

1) Nhiệt vào trong huyết.	2292
2) Chứng huyết phạm và khí phạm.	2292
3) Chứng chích nhục mai hạch	2292
4) Chứng trung, hạ, huyền tích.	2292
5) Chứng chỗ kín sưng lên.	2293
6) Chứng chỗ kín ngứa hay là mọc nhọt	2294
7) Chứng chỗ kín lạnh.	2295
8) Chứng chỗ kín lòi ra.	2295
9) Chứng chỗ kín mọc thịt.	2295
10) Chứng mới lấy chồng mà cửa mình đau	2296
11) Chứng giao hợp với đàn ông mà ra huyết.	2296
12) Chứng chỗ kín như có tiếng thổi.	2297
13) Chứng bụng dưới sưng và đau (do hiển)	2297
14) Chứng gót chân sưng đau.	2297
15) Chứng ngón chân nóng.	2298
16) Chứng trên đùi có nhọt (liêm sang).	2298
17) Chứng huyết phong sang.	2299
18) Chứng giao hợp với ma quỷ	2299

Mục cầu tự (gồm 6 điều)

1) Căn bệnh.	2301
2) Về diễm không có con.	2302
3) Những phương thuốc cầu tự.	2304
4) Bàn về thụ thai.	2304
5) Mạch như thế nào mà có thai.	2305
6) Phân biệt trai hay gái.	2307

Tập HẬU

<i>Lúc có thai (thai tiền) (gồm 5 điều)</i>	2309
1) Căn bệnh	2309
2) Phân biệt chứng bệnh	2310
3) Phép chữa	2312
4) Những phương thuốc thường dùng	2312

5) Những vị thuốc thường dùng	2316
Những chứng bệnh trong khi có thai (gồm 31 điều)	2317
1) Nôn ọe (ổ trở)	2317
2) Buồn phiền (tử phiền)	2317
3) Phiền táo	2318
4) Tử huyên	2318
4 bis) Tử mãn, tử sững tử khí.	2318
5) Đau bụng	2320
6) Đau ngang lưng	2320
7) Lậu thai ra huyết	2321
8) Đi cầu ra huyết	2323
9) Đái rắt (tử lâm)	2323
10) Chuyển dạ con (chuyển bào)	2324
11) Không nói được (tử cảm)	2326
12) Đi đái són ra	2326
13) Trùng phong	2326
14) Sốt thương hàn	2327
15) Sốt rét (tử ngược)	2328
16) Đi lỵ	2329
17) Đau bụng (hoắc loạn)	2329
18) Đi tả	2329
19) Thương thực	2330
20) Thở huyết	2330
21) Suyễn súc	2330
22) Lo thương	2331
23) Thai khóc trong bụng	2331
24) Động thai, lậu thai	2331
25) Thai chết trong bụng	2332
26) Truy thai	2333
27) Thai không lớn lên được	2335
28) Quỷ thai	2335
29) Chứng trắng đàm tựa như có thai	2336

30) Huyết tích tựa như có thai	2336
31) Có thai khác thường	2337
Sản hậu (gồm có 4 điều)	2338
1) Căn bệnh	2338
2) Những chứng về sản hậu	2338
Phân chữa	2339
Những vị thuốc thường dùng về chứng sản hậu	2341
Chẩn bệnh về sản hậu (gồm 45 điều)	2342
1) Huyết vận	2342
2) Huyết xấu không ra hết	2343
3) Huyết hôi ra mãi không ngừng	2343
4) Nhức đầu	2344
5) Đau ngực	2344
6) Đau bụng	2345
7) Đau bụng dưới	2347
8) Đau ngang lưng	2348
9) Đau cạnh sườn	2348
10) Chứng tích tụ (trung, hà)	2348
11) Nôn, ọe	2349
12) Đi tả	2350
13) Đi lỵ	2350
14) Nấc ngược lên	2351
15) Thở suyễn	2351
16) Phù nề	2351
17) Đau mình và tay chân	2352
18) Phát sốt	2352
19) Thương thực mà phát sốt	2353
20) Ra mồ hôi vì hư yếu	2354
21) Mồ hôi ra ở đầu mà người uất và mặt đi	2354
22) Trúng phong	2355
23) Người ngáy ra	2355
24) Cầm khẩu	2356

- 25) Uốn ván
- 26) Gân cơ vào hay là thụt ra
- 27) Kinh sợ
- 28) Phát cuồng
- 29) Miệng mũi đen mà mửa ra máu
- 30) Ho đàm
- 31) Sốt rét
- 32) Lao mòn
- 33) Băng huyết
- 34) Đại tiện khó
- 35) Đái rắt
- 36) Đại tiểu tiện đều không thông
- 37) Tiểu tiện đi nhiều
- 38) Đại tiểu tiện ra huyết
- 39) Ung nhọt
- 40) Kinh nguyệt không thông
- 41) Không có sữa
- 42) Sữa tự nhiên ra
- 43) Chỗ kín thoát ra
- 44) Cửa mình không hẹp lại
- 45) Nhũ ung và nhũ nham

2356
2356
2357
2357
2357
2357
2358
2358
2359
2359
2359
2360
2360
2360
2361
2361
2362
2362
2363
2363
2364

Tập TỌA THẢO LƯƠNG MÔ

Lời dịch giả

- Lời dẫn về lúc sanh
- Nói về nguyên nhân khó sanh
- Những điểm cần cho người khó sanh
- Gần đến tháng sanh
- Những bài thuốc dễ thôi sanh
- Những bài thuốc ít vị dễ thôi sanh
- Nói về chứng sanh ngang dễ ngược
- Chứng thai chết trong bụng và bài thuốc
- Chứng nhau không ra và bài thuốc

2371
2373
2375
2376
2377
2383
2386
2389
chữa 2394
chữa 2402

- Các chứng hiểm sau khi sanh
- Những bài thuốc đề dự bị

2408
2411

TẬP ẤU ẤU TU TRI

Lời dịch giả
Bài tiểu dẫn của tác giả
Thẻ lệ xem cuốn sách này

2425
2427
2429

TẬP KIM

- 1) Bốn điều thiết yếu
- 2) Hình đồ mặt người
- 3) Trông hình sắc
- 4) Xem tổng quát về mặt
- 5) Nghe tiếng nói
- 6) Hỏi chứng bệnh
- 7) Xem mạch
- 8) Tướng thọ hay yếu
- 9) Những chứng sống hay chết
- 10) Nghịch chứng và tuyệt chứng
- 11) Hư chứng hay thực chứng
- 12) Tóm lược về gốc bệnh
- 13) Điều trị lúc mới sanh
- 14) Phép nuôi trẻ em
- 15) Sơ sanh không khỏe được
- 16) Ngọc hành co lên
- 17) Mụn mọc như nước
- 18) Sơ sanh không có da
- 19) Chứng huyền ung
- 20) Chỗ đi cầu không có lỗ
- 21) Sơ sanh không đi đại
- 22) Sơ sanh gầy quá
- 23) Sơ sanh béo quá
- 24) Sơ sanh tạng hàn
- 25) Sơ sanh tạng nhiệt

2432
2432
2432
2441
2443
2443
2444
2449
2450
2452
2453
2455
2456
2458
2161
2462
2462
2462
2462
2463
2463
2463
2464
2465
2467

2929

26) Sơ sanh người vàng	2468
27) Sơ sanh nhắm mắt	2469
28) Nhảy mắt (đảo lia con người)	2471
29) Chỗ đi cầu vút lại	2472
30) Khóc không ra tiếng	2472
31) Cấn vú	2472
32) Quỷ thai	2473
33) Chứng Bạch hồ	2473
34) Bệnh chủ	2474
35) Trùng phải ác khi	2474
36) Vì thất vọng mà thành bệnh	2475
37) Chứng khóc đêm	2476
38) Sơ sanh kinh sợ	2480
39) Sơ sanh mà kinh giản	2482
40) Sơ sanh trũng phong	2482
41) Sơ sanh gió vào rốn	2483
42) Sơ sanh chúm miệng	2486
43) Cấn khẩu	2487
44) Chứng Thiên Điểu	2491
45) Chứng Nội điểu	2492
46) Chứng Bàn tràng	2496
47) Chứng Đẹn	2498
48) Thốt nhiên kinh sợ	2499
49) Đêm ngủ hay giật mình và khóc	2499

Tập MỘC

1) Kinh phong	2503
2) Cấp kinh phong	2515
3) Mạn kinh phong	2522
4) Mạn tý	2529
5) Mạn tý phong	2533
6) Chứng co giật	2534
7) Bú phải sữa người mẹ có thai	2539
8) Chứng nóng tặn xương	2540
2930	

9) Gây, vàng	2541
10) Nhiều mồ hôi	2542
11) Đi đại trắng	2545
12) Sơ sanh tiểu tiện không thông	2547
13) Đại tiện không thông	2549
14) Đại tiểu tiện đều không thông	2550
15) Bụng đầy lên	2550
16) Hai tầng lưỡi	2550
17) Lưỡi thè ra	2551
18) Lưỡi mọc mụn	2552
19) Lưỡi ngay ra	2554
20) Chứng mã nha	2555
21) Miệng lưỡi mọc tưa trắng	2555
22) Miệng nhọt lở	2556
22 bis) Chứng ung nhọt lưng lẳng	2557
23) Lở mép	2557
24) Óc lạnh hay nóng	2559
25) Biến chứng	2560
26) Xương sọ không liền	2565
27) Thóp sưng lên	2567
28) Thóp trũng xuống	2568
29) Xương cổ mềm mà ngoẹo đi	2569
30) Ngực rùa	2570
31) Lưng rùa	2571
32) Năm chứng mềm yếu	2572
33) Năm chứng rắn chắc lại	2575
34) Chậm mọc răng	2576
35) Chậm mọc tóc	2577
36) Chậm biết nói	2578

Tập THỎ

1) Chứng thất thanh	2581
2) Chứng chậm biết đi	2582
3) Chứng hạc tất	2582

- 4) Chứng cam
- 5) Chứng đơn độc
- 6) Chứng sốt
- 7) Chứng nôn ọ
- 8) Chứng đi cầu lỏng
- 9) Chứng thổ và tả
- 10) Chứng đình tích
- 11) Chứng hòn khối
- 12) Chứng đầy bụng
- 13) Chứng hoàng đả
- 14) Chứng sưng hòn dái

Tập THỦY

- 1) Chứng sản khí
- 2) Chứng đau bụng
- 3) Chứng ho đả
- 4) Chứng thổ suyễn
- 5) Chứng găm gào
- 6) Chứng kinh giản
- 7) Điện cuồng
- 8) Phép cho thời trẻ bú
- 9) Chứng thấp tê
- 10) Chứng lở đầu
- 11) Bệnh về mắt
- 12) Bệnh về tai
- 13) Bệnh về mũi
- 14) Bệnh miệng và môi
- 15) Bệnh cổ họng
- 16) Bệnh về răng
- 17) Thổ huyết
- 18) Chứng lý
- 19) Tiện huyết
- 20) Thoát giang
- 21) Bệnh trĩ

2932

2583
2604
2608
2615
2621
2626
2631
2633
2635
2637
2637

2641
2642
2643
2646
2650
2652
2661
2662
2662
2663
2664
2669
2674
2678
2680
2683
2685
2687
2693
2695
2698

- 22) Chồng nữ chương
- 23) Vải dài hay dài rồi lại sắn ra
- 24) Trùng hàn
- 25) Trùng thử
- 26) Trùng thấp
- 27) Nhọt lở

2707
2708
2710
2712

TẬP VẬN KHÍ BÍ ĐIỂN

Lời dịch giả

2721
2723

Tiêu dẫn của soạn giả

- 1) Bàn về câu có học kinh Dịch mới học được thuốc
- 2) Thề lệ đọc cuốn này
- 3) Nói về trông khí mây
- 4) Quy thức làm cờ đề đông gió
- 5) Phương vị bản đồ Thiên nghi
- 6) Đài Kinh thiên (hình đồ)
- 7) Phép xem theo đồ bản «Kinh thiên»
- 8) Phép đoán
- 9) Hình đồ số 4 đề xem tứ thời bát phong
- 10) Phép xem
- 11) Xem tám chiều gió về 4 mùa
- 12) Xem về bát phong, theo sách Linh Khu
- 13) Xem về tặc phong «gió độc»
- 14) Phép xem cửu cung, bát phong
- 15) Hình đồ xem cửu cung, bát phong
- 16) Nói về chủ vận
- 17) Phép lập chủ vận
- 18) Phép đoán chủ vận
- 19) Hình đồ chủ khí
- 20) Nói về chủ khí
- 21) Phép lập chủ khí
- 22) Phép đoán chủ khí
- 23) Hình đồ chủ vận 60 năm (11 bản)

2727
2729
2731
2732
2732
2732
2732
2733
2735
2735
2736
2737
2738
2739
274
2741
2742
2742
2742
2743
2744
2744
2745

24) Nói về khách vận	2746
25) Phép lập khách vận	2746
26) Phép đoán khách vận	2748
27) Hình đồ lập thành khách khí hàng năm trong 60 giáp tý xem năm Tý ngo	2752
28) Hình đồ xem năm Tý, Hợi	2754
29) Hình đồ xem năm Sửu, Mùi	2756
30) Hình đồ xem năm Dần, Thân	2758
31) Hình đồ xem năm Mão, Dậu	2760
32) Hình đồ xem năm Thìn, Tuất	2762
33) Nói về khách khí	2764
34) Phép đoán khách khí	2767
35) Phép Tổng đoán về vận khí	2777
36) Bí quyết xem vận khí	2778
37) Hình đồ lập thành 60 năm số 24—25—26	2783
38) Các sao tốt xấu thế nào ?	2783
39) Căn bệnh về ngũ vận	2786
40) Bệnh căn thuộc về sáu khí	2787
41) Nói về chính hóa và đối hóa	2787
42) Hình đồ lục luật lục lã số 27—28—29	2788
43) Vận và khí tương lâm mà đồng hóa	2791
44) Bàn về Nam chính và Bắc chính	2794
45) Hình đồ Nam chính, Bắc chính	2797
46) Bài ca Nam chính, Bắc chính	2798
47) Hình đồ số 30—31—32—33	2799
48) Bàn về vận khí, (Kết luận)	2801
Đính theo 33 hình đồ	2804

Tập Vĩ

Lời dịch giả	2849
Bài tựa	2851
Vua Lê tuyên triệu	2852
Lê tiên sinh khởi hành	2854
Đến Thăng Long	2859

2934

Vào Vương phủ	2860
Coi mạch cho Thế Tử	2863
Sau khi chẩn mạch kê toa	2866
Lê tiên sinh cáo từ trước lộ	2867
Đổi chỗ ở để tiện bề bạn đi lại và cắt thuốc	2871
Gặp vợ sư nô mà trước đã đính hôn	2896
Về thăm quê cũ ở Liêu Xá	2901
Lại về kinh đô Thăng Long	2904
Chữa bệnh cho vua Hiến Tông	2905
Cách 9 tháng Thế Tử mới dùng đến toa thuốc của Lê tiên sinh	2913
Vua Lê quá già yếu nên phương thuốc của Lê tiên sinh cũng vô hiệu	2916
Thế Tử cũng nặng bệnh cảm, tiên sinh cáo ốm không vào	2917
Lê tiên sinh xin về Hương Sơn	2917
Về đến quê Hương Sơn	2920

Sách thuốc Việt Nam
HẢI THUỘNG Y TÔN TÂM LINH
QUYỂN NĂM
NHÀ XUẤT BẢN TỔNG HỢP ĐỒNG T

• Chịu trách nhiệm xuất bản :

NGUYỄN VĂN HẮN

• Biên tập : **TÔ QUỐC AN**

• Trình bày : **HUY HÀ**

• Bìa : **TRÚC THANH**

• Sửa bản in : **TRỌN THỦY**

In 400 cuốn khổ 13x19cm tại XN In Tân Bình
Giấy phép số : 01/XB - Số xuất bản : 31/XBĐT-11.91
In xong và nộp lưu chiểu tháng 04/1994.

海上醫藥心領

17